TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:858/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Lê Minh Quang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:* Không có.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1416/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, đường số B, tổ C, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, đường số B, tổ C, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Đinh Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 14/05/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng trong cuộc sống, không tôn trọng ý kiến của nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa

hợp, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, sống không hạnh phúc.

Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa và ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay, nay bà xét thấy không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà N xác định bà và ông Đinh Văn L có 01 con chung tên Đinh Huỳnh Châu P, sinh ngày 28/4/2018.

Bà Huỳnh Thị Hồng N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Huỳnh Châu P. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông Đinh Văn L tự thoả thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông Đinh Văn L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến Tòa hợp lệ nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gì của ông đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Hồng N đối với ông Đinh Văn L là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn ông Đinh Văn L hiện cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng N, bà có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N là đúng quy định.

Đối với bị đơn ông Đinh Văn L, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Đinh Văn L không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Đinh Văn L có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 14/5/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Bà N xác định sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, sống không hạnh phúc, bà và ông L ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay.

Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa và không thể hàn gắn đoàn tụ được và đã ly thân nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Tòa án cũng đã triệu tập bà N và ông L đến Tòa án để tiến hành hòa giải, động viên để các bên có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Tuy nhiên ông L không đến Tòa, không thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà N, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn xảy ra. Mặc khác bà N xác định bà không còn tình cảm với ông L, bà không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với ông L. Hiện tại hai vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa nên bà vẫn kiên quyết ly hôn với ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L đã phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà N xác định bà và ông L có 01 con chung tên Đinh Huỳnh Châu P sinh ngày 28/4/2018.

Bà Huỳnh Thị Hồng N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Huỳnh Châu P. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Do ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, xét vì lợi ích mọi mặt của cháu P, và nguyện vọng của bà N muốn được trực tiếp nuôi chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đinh Huỳnh Châu P. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đinh Huỳnh Châu P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, nếu sau này ông L có tranh chấp về quyền nuôi con với bà N sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, Hội đồng xét không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Huỳnh Châu P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[6]. Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông L tự thoả thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, sau này nếu ông L có tranh chấp về tài sản

chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[7]. Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông L không có nợ chung, do ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung. Sau này nếu ông L có tranh chấp về nợ chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này là phù hợp.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Hồng N được ly hôn với ông Đinh Văn L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số: 47 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2018 cho bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Đinh Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Huỳnh Châu P sinh ngày 28/4/2018.

Giao bà Huỳnh Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Huỳnh Châu P sinh ngày 28/4/2018. Bà N tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà N xác định bà và ông L tự thoả thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, sau này nếu ông L có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác.

4. Về nợ chung: Bà N xác định bà và ông L không có nợ chung, do ông L vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung. Sau này nếu ông L có tranh chấp về nợ chung sẽ khởi kiện vụ tranh chấp khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà N phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0018803 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.H;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Định